



Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHIẾN THẮNG MTAO GRỤ

(Trích Đăm Săn)

Giới thiệu: *Đăm Săn* là sử thi nổi tiếng của dân tộc Ê-đê (Tây Nguyên). Tác phẩm kể về các cuộc chiến đấu và chinh phục của Đăm Săn để bảo vệ buôn làng, thực hiện khát vọng trở thành người tù trưởng hùng mạnh nhất. Đoạn trích dưới đây kể về một trong những chiến công đó.

Họ đến bến nước làng, rồi đến bờ rào làng Mtao Grụ. Trước mặt họ là một bờ rào tre một lớp hai lớp, một bờ rào lồ ô một hàng hai hàng, cổng làng trồng hai hàng cột lớn.

Họ áp sát bờ rào làng, ầy thử cổng làng. Từ trong làng vọng ra tiếng cổng lớn cổng nhỏ, nghe ì ì ọp như tiếng éch kêu dưới nước. Họ hiểu ra ngay đây đúng là một tù trưởng giàu mạnh, đầu bịt khăn nhiễu, vai mang nai hoa thật.

[...] Người của Đăm Săn đông như bầy cà-tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ tiến vào bãi quanh làng, rồi tiến sát bờ rào làng.

Đăm Săn: *O diêng, o diêng, xuống đất! Chúng ta đọ sức nhau nào!*

Mtao Grụ: *O diêng, o diêng, mời diêng lên nhà, ta muốn làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu.*

Đăm Săn: *Người còn định cúng trâu cầu phúc cho ta hả! Há chẳng phải vợ ta người đã cướp, đùi ta người đã chặt, ruột gan ta người đã moi ra rồi sao? (Nói với tôi tớ) Bớ các con, lấy cái sàn hiên nhà này đem bỏ đôi ra, lấy cái cầu thang nhà này đem chẻ ra, kéo lửa hun cái nhà này cho ta xem nào!*

Mtao Grụ: *Ấy khoan, diêng khoan! Để ta xuống. Không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!*

Đăm Săn: *Sao ta lại đâm người khi người đang đi xuống nhỉ! Người xem đến con lợn của nhà người trong chuồng, ta cũng không thềm đâm nữa là!*

Mtao Grụ: *O diêng, o diêng, không được đâm ta khi ta đang đi đó, nghe!*

Đăm Săn: *Sao ta lại đâm người khi người đang đi nhỉ! Người xem đến con trâu cái nhà người trong chuồng, ta cũng không thềm đâm nữa là!*

Thế là Mtao Grụ phải xuống.

Đăm Săn: *O diêng, o diêng, khiến đao của người là khiến đao gì vậy?*

Mtao Grụ: *Khiên thần đao thần, khiến đao dính đầy những oan hồn, khiến đao chỉ nhằm đùi bọn tù trưởng nhà giàu. O diêng, còn khiến đao của người là khiến đao gì vậy?*

Đăm Săn: *Khiên đao kêu lạch xạch, khiến đao bị một ăn chẳng rõ còn chắc hay không? O diêng, bây giờ người múa đi!*

Mtao Grụ *rung khiến múa. Hấn múa kêu lạch xạch như quả mướp khô.*

Đăm Săn: *Người múa lạch xạch, người múa một mình, người múa chơi đó phải không, diêng?*

Mtao Grụ: *Bớ diêng, đến lượt người, người múa đi!*

Đăm Săn *rung khiến múa. Chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiến kên. Chàng múa chạy nước kiệu, ba lớp núi rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ tung bay. Chàng chạy vun vút một mình không ai theo kịp.*

Còn Mtao Grụ *bước thấp bước cao, chạy trốn mũi giáo thần, mũi giáo dính đầy những oan hồn của Đăm Săn. Hấn nhằm đùi Đăm Săn phóng cây giáo của hấn tới nhưng cây giáo chỉ vừa trúng một con lợn thiến.*

Đăm Săn: *Sao người lại đâm con lợn thiến? Thế đùi ta người dành làm gì? Đây người hãy xem ta!*

Cây giáo thân, cây giáo vương vít những oan hồn của Đăm Săn nhằm đuổi kẻ thù phóng tới, đâm vừa trúng đích.

[...] Mtao Grư lao đảo như gà gãy cánh, khắp khiêng như gà gãy chân, vừa chạy vừa kêu oai oái ở bãi đông, vừa kêu oai oái ở rẫy tây. Hấn tránh quanh chuồng lợn. Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hấn tránh quanh vườn cam. Đăm Săn phá nát vườn cam. Ba lần hấn chạy trốn về phía đông, ba lần hấn chạy trốn về phía tây, vướng hết từng trâu đến thảng voi. Cuối cùng không chạy được nữa, hấn ngã lăn quay ra đất.

(Theo Nguyễn Hữu Thấu, in trong *Tổng tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Tập 3, Quyển 2: Sử thi, NXB Đà Nẵng, 2007, tr. 72-75)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả không gian làng của Mtao Grư trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra sự khác nhau của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu sau:

- *Người của Đăm Săn đông như bầy cà-tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối.*
- *Hấn múa kêu lạch xạch như quả mướp khô.*

Câu 4. Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật Đăm Săn được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Qua văn bản, hãy nêu một ước mơ của cộng đồng người Ê đê thời xưa mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản sau:

THẦN MƯA

Đến việc làm ra mưa thì Ngọc Hoàng ủy thác cho thần Mưa. Người thần hình rồng, có tài lên trời xuống nước bất kì lúc nào cũng được. Thần có phép thu hình lại bằng một con cá, nhưng có thể dẫn người ra dài hàng nghìn trượng. Ở đây ta cũng nên phân biệt thần Mưa với thần Nước. Cả hai thần đều cùng mình rồng, cùng một tộc loại nhưng nhiệm vụ mỗi bên mỗi khác. Thần Mưa thường xuống hạ giới hút nước sông, nước biển vào bụng no căng rồi bay đi, có thể rất xa, phun nước ra cho thế gian ăn uống, cày cấy và cho cây cỏ tốt tươi. Chúng ta cũng nên biết công việc của thần Mưa cũng như công việc của thần Gió là công việc có ích cho muôn loài ở hạ giới. Thế nhưng cũng có nhiều khi các thần đó phân phối không đều nên gây ra tai hại. Nhất là thần Mưa có nhiều lúc nhầm lẫn: sông biển không hút nhưng lại nhè đồng ruộng hoặc cửa nhà mà hút làm hư hỏng rất nhiều tài sản của thiên hạ. Có nhiều lúc, thần Mưa chỉ lo đi tưới nước cho các vùng hẻo lánh cách xa đại dương hàng vạn dặm mà quên hẳn cả những vùng ở sát ngay bờ biển. Đó là những cái quên “chết người” đã gây ra những vụ kiện tại thiên đình.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển 1, NXB KHXH, HN, 2003, tr. 95)

Câu 2. (4,0 điểm)

Cuộc sống thường có những khó khăn, thử thách; đối mặt hay bỏ cuộc là lựa chọn của mỗi người.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về những khó khăn, thử thách đối với tuổi trẻ.

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Xác định ngôi kể: người kể chuyện ngôi thứ 3.	0,5
	2	Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả không gian làng của Mtao Grư trong văn bản: <i>bến nước làng, bờ rào làng, cổng làng, bãi quanh làng,...</i>	0,5
	3	Sự khác nhau của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu: - Về hình thức: so sánh kép (trùng điệp) và so sánh đơn. - Về hiệu quả nghệ thuật: + Cách so sánh ở câu văn thứ nhất tạo ấn tượng cho người đọc; nhấn mạnh sự đông đảo hùng mạnh, thái độ đồng thuận, yêu mến của dân làng với hành động chính nghĩa của Đăm Săn trong trận chiến. + Cách so sánh ở câu văn thứ hai thể hiện thái độ mỉa mai, coi thường sự kém cỏi của Mtao Grư.	1,0
	4	Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật Đăm Săn được thể hiện trong văn bản. - Chỉ ra được một phẩm chất nổi bật của nhân vật Đăm Săn (can đảm, dũng mãnh, trung thực,...) - Nhận xét về phẩm chất nổi bật đã chỉ ra (Gợi ý: ý nghĩa, vai trò của phẩm chất ấy đối với cộng đồng; tác động của phẩm chất đến HS;...)	1,0
	5	Qua văn bản, hãy nêu một ước mơ của cộng đồng người Ê đê thời xưa mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do. - Nêu được một ước mơ của cộng đồng người Ê đê thời xưa mà HS thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hôm nay. (Gợi ý: ước mơ về cuộc sống hòa bình, ổn định; ước mơ về người thủ lĩnh tài ba và dũng cảm;...) - Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản <i>Thần Mưa</i> .	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>đặc điểm của nhân vật thần thoại được thể hiện trong văn bản Thần Mưa.</i>	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Nhân vật là một vị thần có ngoại hình và hành động phi thường, có khả năng biến hóa khôn lường, có thể tạo ra mưa; góp phần thể hiện chủ đề của văn bản;... - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: <i>đặc điểm của nhân vật thần thoại được thể hiện trong văn bản Thần Mưa.</i> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
	đ. Diễn đạt	0,25	

	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Cuộc sống thường có những khó khăn, thử thách; đối mặt hay bỏ cuộc là lựa chọn của mỗi người. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về những khó khăn, thử thách đối với tuổi trẻ.	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> khó khăn, thử thách đối với tuổi trẻ.	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Khó khăn, thử thách là điều kiện, cơ hội để tuổi trẻ hoàn thiện các kĩ năng và phát triển, trưởng thành; + Vượt qua khó khăn, thử thách là thước đo để khẳng định năng lực, bản lĩnh của tuổi trẻ; + Khó khăn, thử thách đem lại sự trải nghiệm phong phú, giảm bớt sự buồn tẻ, đơn điệu trong cuộc sống; ... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....**HẾT**.....

YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ VÀ BẢNG NĂNG LỰC, CẤP ĐỘ TƯ DUY
Môn Ngữ văn

I. Phạm vi và định hướng đánh giá

- 1) **Độc hiểu:** Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, thuộc một trong ba loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin.
- 2) **Viết:**

a) *Nghị luận xã hội:* Vấn đề nghị luận không nhất thiết liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi; có thể bàn luận một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội, viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm,...

b) *Nghị luận văn học:* Sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa; có thể yêu cầu phân tích và đánh giá một văn bản, so sánh hai văn bản, phân tích làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản,...

3) Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết đoạn văn, nghị luận văn học yêu cầu viết bài văn. Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết bài văn, nghị luận văn học viết đoạn văn. Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề thi chính thức không quá 1300 chữ.

4) Đề minh họa đã nêu (tháng 12-2023) chỉ tập trung đánh giá năng lực đọc và viết của học sinh lớp 10 trong học kì một.

5) Các đề thi chính thức tốt nghiệp THPT từ năm 2025 đảm bảo thống nhất về định dạng và cấu trúc với đề thi minh họa nhưng cách hỏi và lệnh hỏi không nhất thiết trùng với đề thi minh họa.

II. Bảng năng lực và cấp độ tư duy của đề minh họa

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
II	Năng lực Viết	Nghị luận văn học	1							
		Nghị luận xã hội	1							
		Tỉ lệ%		2	10 %	2	20 %	1	10 %	
		Tổng	7	5%	5%	10%	10%	22,5%	42,5%	100%